

Số: 387/CCĐTNDKVIII-QLHT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 4 năm 2024

THÔNG BÁO
LUỒNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA THƯỜNG XUYÊN PHÍA NAM
Tháng 4 năm 2024

Căn cứ Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Chi cục Đường thủy nội địa khu vực III thông báo luồng đường thủy nội địa thường xuyên như sau:

- Tên luồng:** Đường thủy nội địa quốc gia khu vực phía Nam
- Tình hình mực nước**

TT	Sông, kênh, rạch	Trạm chính	Mực nước lớn nhất (Hmax)		Mực nước nhỏ nhất (Hmin)	
			Mực nước	Thời gian	Mực nước	Thời gian
1	Sông Sài Gòn	Phú Cường (Km55+650)	+1.60	11/3	-1.25	07/3
2	Sông Vàm Cỏ Đông	Đức Huệ (Km74+660)	+1.79	11/3	-1.66	10/3
3	Kênh Chợ Gạo	Chợ Gạo (Km20+200)	+1.57	12/3	-1.41	07/3
4	Kênh Chợ Lách	Chợ Lách (Km03+700)	+1.98	13/3	-1.35	07/3
5	Sông Bến Tre	Bến Tre (Km03+800)	+1.50	13/3	-1.85	07/3
6	Sông Cổ Chiên	Tam Bình (Km07+350)	+1.893	12/3	-1.29	07/3
7	Kênh Phú Hữu Bãi Xàu	Sóc Trăng (Km11+150)	+1.88	01/3	-0.28	11/3
8	Rạch Ô Môn	Ô Môn (Km04+140)	+1.90	14/3	-0.57	07/3
9	Rạch Cần Thơ	Cần Thơ	+1.73	12/3	-0.82	19/3

		(Km07+700)				
10	Kênh Xà No	Vị Thanh (Km38+320)	+0.83	09/3	+0.38	23/3
11	Kênh Rạch Giá Long Xuyên	Long Xuyên (Km63+400)	+1.74	12/3	-0.68	07/3
12	Kênh Rạch Sỏi Hậu Giang	Thạnh An (Km32+550)	+0.91	13/3	+0.38	20/3
13	Kênh Rạch Giá Hà Tiên	Hòn Đất (Km07+860)	+0.37	17/3	+0.12	26/3
14	Kênh Tám Ngàn	Tri Tôn (Km29+850)	+0.65	19/3	+0.41	01/3
15	Sông Bảy Hạp	Năm Căn (Km00+800)	+1.65	14/3	-0.37	17/3
16	Sông Trèm Trèm	Thới Bình (Km12+600)	+0.26	16/3	+0.13	25/3
17	Sông Ông Đốc	Sông Đốc (Km25+000)	+0.94	03/3	+0.28	21/3
18	Kênh Bạc Liêu Cà Mau	Cà Mau (Km00+300)	+1.31	07/3	+0.45	09/3
19	Sông Tiền	Cao Lãnh (Km180+000)	+1.48	22/3	-0.66	20/3
20	Sông Tiền	Tân Châu (Km237+600)	+1.35	13/3	-0.70	23/3
21	Kênh Tháp Mười Số 1	Tân Thạnh (Km14+000)	+1.18	06/3	-0.14	25/3
22	Kênh Tháp Mười Số 1	An Long (Km89+800)	+0.95	14/3	+0.65	06/3
23	Kênh Tháp Mười Số 2	Mỹ An (Km61+500)	+0.83	13/3	+0.00	20/3
24	Sông Vàm Cỏ Tây	Mộc Hóa (Km129+650)	+0.87	05/3	+0.39	27/3
25	Kênh Lấp Vò Sa Đéc	Lấp Vò (Km37+300)	+1.54	04/3	-0.25	25/3

3. Tình hình luồng

TT	Sông, kênh, rạch	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk) (Mét)	Chiều rộng (B) (Mét)	Ngày đo	
1	Kênh Cây Khô	Km0+000 ÷ Km3+400	h: 1.38	25	MN 98%	
		Cầu Cây Khô	Hk: 7.0	50	MN 5%	
2	Kênh Thủ Thừa	Km0+000 ÷ Km10+300	h: 1.93	24	MN 98%	
3	Sông Chợ Đệm Bến Lức	Km9+00 ÷ Km20+200	h: 0.61	30	MN 98%	
4	Sông Sài Gòn	Km99+950 ÷ Km100+150	h: 3.07	45	MN 98%	
		Km101+850 ÷ Km114+680	h: 3.17	25	MN 98%	
		Km115+500 ÷ Km126+000	h: 1.20	52	MN 98%	
5	Sông Vàm Cỏ	Km0+000 ÷ Km7+000	h: 2.5	150	MN 98%	
		Km34+480 ÷ Km34+800	h: 4.68	150	MN 98%	
6	Sông Vàm Cỏ Đông	Km0+000 ÷ Km2+500	h: 3.78	130	MN 98%	
7	Sông Vàm Cỏ Tây	Cầu Mộc Hóa (Km128+710)	Hk: 3.5	27	MN 5%	
		Xác tàu chìm cũ (Km34+200)	h: 2		MN 98%	Ngoài luồng
		Cọc sắt và trụ neo tàu (Km33+970 ÷ 34+090)	h: 1		MN 98%	Ngoài luồng

TT	Sông, kênh, rạch	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk) (Mét)	Chiều rộng (B) (Mét)	Ngày đo	
		Km155+600 ÷ Km162+000	h: 2.68	24	MN 98%	
8	Sông Đồng Nai	Km89+800 ÷ Km90+400	h: 2.98	35	MN 98%	
9	Nhánh cù lao Rùa	Km5+950 ÷ Km6+100	h: 1.76	50	MN 98%	
10	Rạch Ông Lớn	Km0+000 ÷ Km5+000	h: 2.00	26	MN 98%	
		Cầu Rạch Ông (Km4+900)	Hk: 5	16	MN 5%	
		Cầu Ông Lớn (Km1+900)	Hk: 5.5	20	MN 5%	
11	Kênh Nước Mặn	Cầu Kênh Nước Mặn (Km0+900)	Hk: 9	40	MN 5%	
		Cọc sắt cừ Larsen (Km0+900)	h: 2		MN 98%	Ngoài luồng
12	Sông Bến Tre	Km0+500 ÷ Km2+500	h: 1.24	50	MN 98%	
		Cầu Bến Tre (Km4+360)	Hk: 6	26	MN 5%	
		Cầu An Hóa (Km6+200)	Hk: 6.5	28	MN 5%	
13	Kênh Mỏ Cà	Km7+150 ÷ Km14+000	h: 3.00	16	MN 98%	
		Cầu Mỏ Cà (Km7+765)	Hk: 4	20	MN 5%	
		Đường dây điện	Hk: 7		MN	

TT	Sông, kênh, rạch	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk) (Mét)	Chiều rộng (B) (Mét)	Ngày đo	
		(Km13+132)			1%	
		Cầu Thom (Km13+245)	Hk: 6	30	MN 5%	
14	Kênh 28	Cầu Thông Lưu (Km8+060)	Hk: 2.6	24	MN 5%	
15	Kênh Phước Xuyên	Cầu Tân Phước (Km27+500)	Hk: 4.5	30	MN 5%	
		Km0+000 ÷ Km27+740	h: 2.89	20	MN 98%	
16	Kênh Tư Mới	Cầu Mỹ An (Km9+823)	Hk: 3.7	20	MN 5%	
		Km0+000 ÷ Km10+178	h: 2.66	22	MN 98%	
17	Kênh Trà Vinh	Cầu Long Bình 1 (Km4+500)	Hk: 2	16	MN 5%	
		Km0+000 ÷ Km4+750	h: 0.50	36	MN 98%	
18	Kênh Chợ Gạo	Km10+000 ÷ Km11+500	h: 1.60	26	MN 98%	
19	Rạch Kỳ Hôn	Km27+900 ÷ Km28+200	h: 1.50	55	MN 98%	
20	Kênh Xáng Long Định	Cầu Long Định (Km8+308)	Hk: 2.4	20	MN 5%	
		Km0+000 ÷ Km0+900	h: 1.00	30	MN 98%	
21	Sông Cái Bé	Km5+370 ÷ Km6+020	h: 1.98	35	MN 98%	

TT	Sông, kênh, rạch	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk) (Mét)	Chiều rộng (B) (Mét)	Ngày đo	
23	Sông Cái Lớn	Km36+500 ÷ Km39+000	h: 3.45	54	MN 98%	
23	Sông Cái Tàu	Km12+020 ÷ Km13+480	h: 2.55	52	MN 98%	
24	Rạch Cái Tư	Km2+000 ÷ Km4+600	h: 2.64	36	MN 98%	
		Km8+400 ÷ Km10+250	h: 2.64	36	MN 98%	
		Km10+450 ÷ Km11+450	h: 2.64	36	MN 98%	
25	Rạch Cái Nhất	Km0+000 ÷ Km2+940	h: 0.43	36	MN 98%	
		Km3+034 ÷ Km3+075	h: 1.02	18	MN 98%	
26	Kênh Tác Cây Trâm	Km0+000 ÷ Km4+500	h: 0.33	36	MN 98%	
27	Rạch Ngã Ba Đình	Km5+100 ÷ Km5+800	h: 2.80	36	MN 98%	
		Km7+100 ÷ Km7+650	h: 2.80	36	MN 98%	
28	Sông Cổ Cò	Km26+600 ÷ Km29+200	h: 2.15	36	MN 98%	
29	Kênh Phú Hữu Bãi Xàu	Km15+100 ÷ Km15+900	h: 1.81	19	MN 98%	
30	Rạch Thạnh Lợi	Km0+000 ÷ Km3+200	h: 1.81	21	MN 98%	
31	Rạch Ba Xuyên Dù Tho	Km0+000 ÷ Km7+600	h: 1.86	25	MN 98%	

TT	Sông, kênh, rạch	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk) (Mét)	Chiều rộng (B) (Mét)	Ngày đo	
32	Rạch Ô Môn	Cầu Ô Môn (Km6+540)	Hk: 3.2	15	MN 5%	
		Cầu Thới Lai (Km15+200)	Hk: 4	16	MN 5%	
		Km11+100 ÷ Km15+130	h: 3.00	25	MN 98%	
33	Kênh Thốt Nốt	Km0+000 ÷ Km4+690	h: 1.72	26	MN 98%	
34	Kênh Tắc Cậu	Km0+000 ÷ Km1+520	h: 3.57	45	MN 98%	
35	Rạch Khe Luông	Km0+000 ÷ Km1+500	h: 1.62	20	MN 98%	
36	Sông Hậu - Nhánh Năng Gù Thị Hòa	Km8+500 ÷ Km16+550	h: 1.67	52	MN 98%	
37	Rạch Ông Chưởng	Km0+000 ÷ Km23+000	h: 1.70	25	MN 98%	
		6 cọc BTCT, phía bờ trái, Km5+850	h: 1.50			Trong hành lang 3m
38	Sông Tiền	Km232+000 ÷ Km233+000	h: 3.98	150	MN 98%	
39	Nhánh cù lao Long Khánh	Móng trụ điện bên trái luồng (Km7+510)	h: 1		MN 98%	Ngoài luồng
		Km2+000 ÷ Km4+000	h: 4.66	150	MN 98%	

TT	Sông, kênh, rạch	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk) (Mét)	Chiều rộng (B) (Mét)	Ngày đo	
40	Sông Hàm Luông	Km8+244 ÷ Km16+400	h: 1.34	150	MN 98%	
41	Kênh Mực Càn Dung	Cầu Treo 13 (Km12+480)	Hk: 3.8	22	MN 5%	
		Km8+800 ÷ Km10+200	h: 1.24	22	MN 98%	
42	Kênh Tám Ngàn	Km0+000 ÷ Km36+575	h: 2.70	20	MN 98%	
43	Kênh Vĩnh Tế	Cầu Vĩnh Nguơn (Km0+530)	Hk: 3.2	24	MN 5%	
		Km0+000 ÷ Km8+600	h: 2.97	25	MN 98%	
44	Kênh Rạch Giá Long xuyên	C. Nguyễn Trung Trục (Km0+890)	Hk: 4.7	22	MN 5%	
		Cầu Thành Vĩnh (Km14+157)	Hk: 4.5	46	MN 5%	
		Cầu Ba Bàn (Km18+385)	Hk: 5	25	MN 5%	
		Cầu Thoại Hà (Km27+635)	Hk: 5.3	26	MN 5%	
		Cầu Thoại Hà 3 (Km36+680)	Hk: 5.3	30	MN 5%	
		Cầu Đập Đá (Km50+745)	Hk: 4.3	30	MN 5%	
		Đá ngầm (Km30+380)	h: 2.5	12	MN 98%	
		Hàng cọc BT	h: 1.00		MN	Lấn

TT	Sông, kênh, rạch	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk) (Mét)	Chiều rộng (B) (Mét)	Ngày đo	
		Km50+400, phía bờ phải			98%	hành lang 5.7m
		Hàng cọc BT Km55+180, phía bờ phải	h: 1.00		MN 98%	Lấn hành lang 5.7m
		Gốc cây Km55+400, phía bờ trái	h: 1.00		MN 98%	Cách bờ 12m
		Km0+200 ÷ Km0+917	h: 2.65	18	MN 98%	
		Km8+050 ÷ Km18+000	h: 3.15	20	MN 98%	
		Km18+000 ÷ Km50+200	h: 2.72	10	MN 98%	
		Km50+200 ÷ Km63+000	h: 2.68	30	MN 98%	
45	Kênh Vành Đai	Km0+000 ÷ Km7+836	h: 2.70	23	MN 98%	
46	Kênh Rạch Giá Hà Tiên	Km0+000 ÷ Km24+800	h: 3.10	22	MN 98%	
		Km24+800 ÷ Km80+300	h: 2.60	20	MN 98%	
47	Kênh Rạch Sỏi Hậu Giang	Km0+000 ÷ Km22+500	h: 3.40	30	MN 98%	
		Km22+500 ÷ Km59+420	h: 4.40	20	MN 98%	
		Cọc BT	h: 1.5	30	MN	Bố trí

TT	Sông, kênh, rạch	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk) (Mét)	Chiều rộng (B) (Mét)	Ngày đo	
		(9mx5.8m), Km4+340 ÷ Km4+480			98%	phao A1.2
48	Kênh Ông Hiền Tà Niên	Km0+000 ÷ Km5+180	h: 2.64	21	MN 98%	
49	Kênh Ba Hòn	Km0+000 ÷ Km6+222	h: 2.62	17	MN 98%	
50	Kênh Ba Thê	Km0+000 ÷ Km57+200	h: 2.56	20	MN 98%	
51	Kênh Tri Tôn Hậu Giang	Km0+000 ÷ Km33+000	h: 3.04	25	MN 98%	
		Km33+000 ÷ Km58+125	h: 2.15	15	MN 98%	
52	Kênh Xà No	Mảng bê tông, kè BT (Km32+850)	h: 0.8	28	MN 98%	
		Km29+000 ÷ Km39+749	h: 2.89	17	MN 98%	
53	Sông Bảy Hạp	Cầu BTCT và cọc BTCT, phía bờ phải, Km0+750 ÷ Km0+650	h: 1.00		MN 98%	Nằm trong hành lang
54	Kênh Lương Thế Trân	Km0+000 ÷ Km9+850	h: 2.11	36	MN 98%	
		Km9+850 ÷ Km10+000	h: 1.16	25	MN 98%	
55	Kênh Tắc Vân	Cống BTCT chữ nhật (Km0+120)	h: 1		MN 98%	Ngoài luồng
		Km8+900 ÷	h: 2.88	35	MN	

TT	Sông, kênh, rạch	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk) (Mét)	Chiều rộng (B) (Mét)	Ngày đo	
		Km9+000			98%	
56	Sông Gành Hào	Km0+000 ÷ Km6+865	h: 1.29	52	MN 98%	
		Km37+400 ÷ Km49+300	h: 3.00	20	MN 98%	
57	Sông Ông Đốc	Km2+400 ÷ Km6+300	h: 3.00	70	MN 98%	
		Km15+300 ÷ Km41+500	h: 2.15	70		
		Km41+500 ÷ Km49+650	h: 1.06	55		
58	Sông Trèm Trèm	Km0+000 ÷ Km46+100	h: 3.00	36	MN 98%	
59	Kênh Sông Trèm Cạnh Đèn	Cầu Vĩnh Thuận (Km7+745)	Hk: 6.5	27	MN 5%	
		Cầu Kênh 14 (Km14+440)	Hk: 6	24	MN 5%	
		Km0+000 ÷ Km33+500	h: 3.00	25	MN 98%	
60	Kênh Bạc Liêu Vàm Léo	Km10+860 ÷ Km18+055	h: 2.44	20	MN 98%	
61	Kênh Bạc Liêu Cà Mau	Cầu Giá Rai (Km30+175)	Hk: 3.8	22	MN 5%	
		Km0+000 ÷ Km9+000	h: 2.00	30	MN 98%	
		Km40+600 ÷ Km50+600	h: 1.58	30		
62	Rạch Cái Côn	Km16+100 ÷	h: 2.91	45	MN	

TT	Sông, kênh, rạch	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk) (Mét)	Chiều rộng (B) (Mét)	Ngày đo	
		Km16+600			98%	
63	Kênh Xà No	Km29+000 ÷ Km39+749	h: 2.89	17	MN 98%	
64	Kênh Quản Lộ Phụng Hiệp	Cầu Phước Long (Km58+210)	Hk: 3.8	20	MN 5%	
		Km0+400 ÷ Km93+500	h: 2.30	36	MN 98%	
65	Kênh Tháp Mười số 1	Cầu Tân Thạnh (Km15+980)	Hk: 3.4	21	MN 5%	
		C.treo Chùa Long Thành (Km23+220)	Hk: 3	28.9	MN 5%	
		Cầu treo Tân Lập (Km27+720)	Hk: 3.7	28.3	MN 5%	
		C.treo Hậu Thạnh Đông (Km33+879)	Hk: 3.7	28.3	MN 5%	
		Cầu Trường Xuân (Km47+375)	Hk: 5	29.6	MN 5%	
		Cầu Đường Thét (Km55+094)	Hk: 5	29.6	MN 5%	
		Cầu Mười Tài (Km62+339)	Hk: 5	29.6	MN 5%	
		Cầu Tam Nông (Km68+975)	Hk: 5	29.6	MN 5%	
		Cầu Treo Tam Nông (Km69+710)	Hk: 2.5	20	MN 5%	
		Cầu Tràm Chim	Hk: 3.6	28	MN	

TT	Sông, kênh, rạch	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk) (Mét)	Chiều rộng (B) (Mét)	Ngày đo	
		(Km70+266)			5%	
		Cầu An Long (Km89+585)	Hk: 3	17	MN 5%	
		Km0+082 ÷ Km90+000	h: 0.58	36	MN 98%	
66	Kênh Tháp Mười số 2	Cống Rạch Chanh (Km01+150)	Hk: 1.8	5	MN 5%	
		Km21+720 ÷ Km93+560	h: 1.44	25	MN 98%	
67	Kênh Hồng Ngự Vĩnh Hưng	Cầu Hồng Ngự (Km43+985)	Hk: 2.9	19	MN 5%	
		Km3+300 ÷ Km43+056	h: 2.99	18	MN 98%	
		Km43+083 ÷ Km43+556	h: 1.99	26	MN 98%	
68	Kênh 4 Bis	Cầu Sắt Mỹ An (Km0+110)	Hk: 3	19.5	MN 5%	
		Km8+400 ÷ Km10+000	h: 2.26	36	MN 98%	
69	Kênh Lấp Vò Sa Đéc	Cầu Sắt Sa Đéc (Km16+320)	Hk: 5.9	30	MN 5%	
		Cầu Nàng Hai (Km18+900)	Hk: 5	20	MN 5%	
		Bờ kè trường cao đặng nghề Đồng Tháp sụp (Km16+020 ÷ 16+060)	h: 1		MN 98%	Ngoài luồng, bên phải

TT	Sông, kênh, rạch	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk) (Mét)	Chiều rộng (B) (Mét)	Ngày đo	
		Km8+000 ÷ Km10+000	h: 2.70	26	MN 98%	
		Km12+400 ÷ Km14+400	h: 2.70	26	MN 98%	
		Km23+000 ÷ Km23+500	h: 3.00	30	MN 98%	
		Km26+500 ÷ Km29+900	h: 2.46	30	MN 98%	
		Km29+900 ÷ Km34+400	h: 1.46	30	MN 98%	
		Km34+500 ÷ Km42+500	h: 2.70	26	MN 98%	

4. Những điều cần lưu ý:

- Hồ Trị An: Chi cục Đường thủy nội địa khu vực III đã bàn giao tuyến quản lý cho Sở Giao thông vận tải tỉnh Đồng Nai từ ngày 13/12/2023.

- Sông Sài Gòn:

+ Trên tuyến có 03 cầu có tính không và khẩu độ không đạt cấp kỹ thuật đường thủy nội địa (sông cấp III). Đó là cầu Bến Súc Km100+150 (TK 6,5m; KĐ 35m), cầu Dầu Tiếng Km134+980 (TK 5,0m; KĐ 20m), cầu Mới Tây Ninh Km142+300 (TK 5,0m; KĐ 12m).

+ Phía thượng lưu sông Sài Gòn từ Km131+600 đến Km142+020 có 14 bè cá kích thước 3x4 m (các bè cá tập trung tại 06 vị trí khác nhau), các bè cá chiếm khoảng 1/2 luồng. Có 05 vó cá kích thước 20x20m tại các vị trí Km136+000 bờ trái, Km136+400 bờ phải, Km140+300 bờ trái, Km141+000 bờ phải, Km141+300 bờ trái chiếm khoảng 2/3 luồng. Do các bè cá, vó cá lấn chiếm luồng, nên tiềm ẩn nguy cơ gây mất an toàn giao thông thủy. Hiện tại chính quyền các địa phương vẫn chưa xử lý những bè cá, vó cá này

+ Cầu Bến Củi Mới Km131+200 nổi tỉnh Bình Dương và Tây Ninh đã xây dựng xong đã bố trí báo hiệu tuy nhiên lắp báo hiệu giới hạn khoang thông thuyền C1.1.3 và C1.1.4 khoảng cách chưa đạt yêu cầu kỹ thuật.

+ Có 02 đường dây điện cao thế có tính không không đạt cấp kỹ thuật đường thủy nội địa (sông cấp III). Đó là Đường dây điện Trị An 110KVA Km39+700 (TK 8,0m) và Đường dây điện cao thế 220KVA Km76+500 (TK 7,5m).

+ Cầu Thanh An tại Km111+550 sông Sài Gòn, đang triển khai thi công, tại công trường có bố trí lực lượng điều tiết đảm bảo an toàn giao thông và báo hiệu đường thủy nội địa.

+ Cầu Bình Gởi tại Km49+800 thuộc dự án đường vành đai 3 do “Liên danh Công Ty CP xây dựng hạ tầng Bắc Trung Nam - Công ty Cp Xây dựng lắp mái Trung Nam” xây dựng hiện nay đang thi công khoan cầu dẫn phía hai bên, cách cầu dẫn bờ phải khoảng 55m, cách bờ trái khoảng 40m, tại công trường có bố trí lực lượng điều tiết đảm bảo an toàn giao thông và báo hiệu đường thủy nội địa.

+ Tại Bến Thủy nội địa Hoàng Nguyên Sa Km129+500 bờ phải thuộc xã Bến Củi huyện Dương Minh Châu tỉnh Tây Ninh (bến này đã ngưng hoạt động từ lâu) có 01 xà lan trọng tải khoảng 100 tấn chìm tại bến cách bờ khoảng 15m vẫn chưa được chủ phương tiện trục vớt.

- Sông Đồng Nai:

+ Tại khu vực cầu Đồng Nai, Công ty Cổ phần quản lý bảo trì ĐTNĐ số 10 đang tiếp tục thực hiện công tác điều tiết không chế đảm bảo giao thông thủy. Các phương tiện lưu thông an toàn, thông suốt.

+ Khi lưu thông trên sông Đồng Nai cần lưu ý bãi đá hạ lưu cầu Hóa An từ Km40+270 đến Km40+650 do nằm giữa luồng (độ sâu điểm cạn so với số “0” Hải Đồ là 2m), bãi đá Tân Định từ Km73+650 đến Km74+800 và bãi đá Hiếu Liêm từ Km89+800 đến Km90+400 nằm cả hai bờ dẫn đến bề rộng luồng bị hạn chế nên phương tiện phải chú ý và tuân thủ theo hệ thống báo hiệu đã được lắp đặt.

+ Trên tuyến có 16 vị trí nguy hiểm như bãi đá ngầm, bãi cạn, trụ đá các loại. Tại các vị trí này Công ty 10 đã thực hiện lắp đặt hệ thống báo hiệu dẫn luồng để hướng dẫn phương tiện lưu thông.

+ Trên tuyến quản lý có 02 vị trí cầu và một số đường dây điện vượt sông, kinh có tính không, không đảm bảo theo yêu cầu cấp kỹ thuật đường thủy nội địa. Trong đó gồm các cầu Cầu Đồng Nai I-II Km34+250.

+ Tại Thượng lưu cầu Hóa An đã bố trí 02 phao neo cho phương tiện neo đậu chờ làm hàng.

+ Cầu Bạch Đằng 2 tại Km56+000 sông Đồng Nai có bố trí hệ thống báo hiệu ĐTNĐ, đã thu hồi trạm điều tiết theo phương án.

+ cù lao Bạch Đằng: Tại khúc cong Km06+500 có bãi đá từ bờ phải ra tới mép luồng, đã thanh thải xong, các phương tiện lưu ý cần đi theo luồng lệch về phía bờ trái theo 03 phao dẫn luồng bố trí tại hiện trường.

+ cù lao Ông Cồn: Chi cục Đường thủy nội địa khu vực III đã bàn giao tuyến quản lý cho Sở Giao thông vận tải tỉnh Đồng Nai từ ngày 13/12/2023.

- Sông Vàm Cỏ:

+ Bãi cạn ngã ba Đồn Rạch Cốc trên tuyến sông Vàm Cỏ có hiện tượng bồi dần ra phía luồng làm hạn chế độ sâu luồng chạy tàu, đặc biệt vào thời điểm nước ròng.

+ Bến tạm Cảng Phước Đông khu vực Km17+400 bờ trái sông Vàm Cỏ, có bố trí phao vùng nước tại khu vực trên.

- Sông Vàm Cỏ Đông:

+ Tại K79+000 công trình thi công cầu có bố trí phao báo hiệu dẫn luồng và báo hiệu trên bờ, công trường đang thi công cọc nhồi trụ khoang thông thuyền bờ phải. Sà lan thi công của công trường neo đậu sát trụ cầu đang thi công.

+ Khu vực từ Km21+700 đến Km21+900 cả hai bờ công trình thi công bờ kè do Công ty Đê kè Hải Dương thi công, khu vực thi công có bố trí phao vùng nước thi công.

+ Khu vực từ Km19+000 đến Km19+300 bờ phải công trình thi công bờ kè, khu vực thi công có bố trí 2 phao vùng nước thi công.

- Sông Vàm Cỏ Tây:

+ Cầu Tân An I Km34+150 có tính không không đảm bảo theo yêu cầu cấp kỹ thuật đường thủy nội địa.

+ Tại vị trí Km35+400 (bờ trái) phía thượng lưu cầu Tân An II đang xây dựng bờ kè đã bố trí phao báo hiệu tại công trường.

+ Công trình xây dựng cầu Mộc Hoá bắc qua sông Vàm Cỏ Tây tại km 128+710 thuộc xã Bình Hiệp và Phường 3, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An thuộc dự án nâng cao tính không các cầu đường bộ cắt qua tuyến đường thủy quốc gia giai đoạn 1 (khu vực phía Nam) đang triển khai thi công, tại công trường có triển khai điều tiết đảm bảo giao thông

- Sông Cần Giuộc: Công trình Quảng trường sông Cần Giuộc khu vực Km25+700 bờ phải đang dừng thi công.

- Kênh Nước Mặn: Công trình kè Kênh Nước Mặn đang dừng thi công.

- Sông Chợ Đệm Bến Lức:

+ Cầu An Thạnh Km19+180 có tính không không đảm bảo theo yêu cầu cấp kỹ thuật đường thủy nội địa.

+ Tại vị trí Km10+330 đang thi công xây dựng cầu Tân Bửu, đã bố trí báo hiệu và thực hiện phương án đảm bảo ATGT thủy.

+ Tại vị trí Km19+250 bên bờ trái phía hạ lưu đang thi công đóng cọc bờ kè đã bố trí phao vùng nước thi công.

+ Tại vị trí Km18+870 đang tổ chức thi công xây dựng cầu An Thạnh đơn vị thi công đã bố trí hệ thống báo hiệu theo phương án đảm bảo an toàn giao thông thủy

- Kênh Thủ Thừa:

+ Tại Km03+720 đang dừng thi công cầu bắc qua kênh Thủ Thừa, đã thực hiện phương án đảm bảo an toàn giao thông thủy theo quy định.

+ Tại Km05+270 đang dừng xây dựng cầu Bê tông Thủ Thừa mới, đã bố trí báo hiệu và thực hiện phương án đảm bảo ATGT thủy.

- Rạch Kỳ Hôn: Công trình thi công cầu Chợ Gạo bắc qua rạch Kỳ Hôn tại Km6+210 đang thi công các hạng mục ven bờ. Khu vực thi công có bố trí báo hiệu đảm bảo an toàn giao thông.

- Kênh Xáng Long Định: Công trình cống thủy lợi Nguyễn Tấn Thành Km01+000 tiếp tục thi công phần âu phía bờ trái và nhà điều hành phía bờ phải. Khu vực thi công có thực hiện phương án đảm bảo an toàn giao thông đường thủy nội địa (bố trí lực lượng điều tiết, phương tiện và báo hiệu) để cảnh báo hướng dẫn phương tiện thủy lưu thông qua khu vực

- Sông Tiền:

+ Công trình cầu Mỹ Thuận 2 đang thi công tại Km124+650, sông Tiền đang tiếp tục thi công. Quá trình thi công có bố trí phương tiện, lực lượng điều tiết không chế đảm bảo an toàn giao thông và báo hiệu đường thủy nội địa (báo hiệu dưới nước và trên bờ) tại hiện trường

+ Công trình thi công cầu Rạch Miễu 2 tại Km74+900 trên tuyến sông Tiền đang thi công phần mố trụ giữa sông hai bên bờ.

+ Công trình thi công Cảng thủy nội địa chuyên dùng xăng dầu Hồng Đức từ Km76+450 đến Km76+630, khu vực thi công có bố trí báo hiệu đường thủy nội địa để đảm bảo ATGT qua khu vực.

+ Công trình thi công kè sông Tiền khoảng từ Km108+790 đến Km109+150 phía bờ trái sông Tiền. Khu vực thi công có bố trí báo hiệu đảm bảo an toàn giao thông.

+ Công trình thi công kè chống sạt lở sông Tiền (lý trình từ Km13+103 đến Km13+612 bờ phải nhánh cù lao Tây, cù lao Ma) thuộc dự án kè chống sạt lở sông Tiền bảo vệ dân cư khu vực thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang đang thi công, tại công trường có lắp đặt 02 phao vùng nước theo phương án đảm bảo ATGT đường thủy nội địa

- Nhánh Hồ Cự: Công trình kè Hồ Cự, xã Hòa An, thành phố Cao Lãnh (nối dài về phía hạ lưu) từ Km00+250 đến Km02+845 bờ trái sông Hồ Cự, thuộc xã Hòa An và phường 6, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp đang thi công; có triển khai phương án đảm bảo ATGT đường thủy nội địa.

- Sông, kênh Măng Thít:

+ Bờ kè chợ Tân An Luông tại Km21+500 thuộc xã Tân An Luông, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long đang thi công và có lắp đặt hệ thống báo hiệu đường thủy nội địa.

+ Công ty Cổ phần QLBT ĐTNĐ số 11 đang điều tiết đảm bảo an toàn giao thông đường thủy nội địa để thi công tháo dỡ cầu Măng Thít.

- Rạch Trà Ôn: Bờ kè thị trấn Trà Ôn tại Km3+630 thuộc thị trấn Trà Ôn, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long đang thi công và có lắp đặt hệ thống báo hiệu

đường thủy nội địa và 02 chốt điều tiết hướng dẫn giao thông.

- Sông Hàm Luông: Công trình kè sở chỉ huy Biên phòng thuộc xã Mỹ Thạnh An, TP. Bến Tre phía bờ trái sông Hàm Luông đang thi công.

- Kênh Chệt Sậy: Công trình kè An Hóa tại Km1+350 đến Km1+750 phía bờ phải kênh Chệt Sậy đang thi công và có lắp dựng báo hiệu bờ và thả 03 phao giới hạn vùng nước.

- Rạch Ô Môn: Tại Km15+120 khu vực cầu Thới Lai có khoang thông thuyền hẹp, tỉnh không 4m, khẩu độ 16m, không đạt cấp kỹ thuật, gây khó khăn cho phương tiện lưu thông; Có 03 công trình thi công kè chống sạt lở trên rạch Ô Môn có phương án đảm bảo an toàn giao thông thủy gồm: Bờ trái đoạn từ Rạch Vàm đến bến đò Tầm Vu; Bờ phải đoạn từ cầu Ô Môn đến Vàm Ba Rích; Bờ phải đoạn từ Vàm Ba Rích đến rạch Cam My.

- Kênh Thị Đội Ô Môn: Tại Km21+650 cầu An Thành không đạt khẩu độ, tỉnh không và không lắp đặt báo hiệu;

- Sông Cái Lớn: tồn tại 08 hàng/118 miệng đáy, trong đó có 07 hàng nằm trong luồng và hành lang bảo vệ luồng ảnh hưởng đến giao thông thủy.

- Rạch Cần Thơ: từ Km12+650 đến Km11+050 và từ Km09+800 đến Km06+580 công trình thi công kè có phương án đảm bảo an toàn giao thông; Tại Km11+410 Cầu Hưng Lợi báo hiệu không đảm bảo phát huy tác dụng, màu sắc báo hiệu phai mờ, đèn tín hiệu không hoạt động, Chi cục ĐTNĐ khu vực III đã có văn bản tác động đến cơ quan quản lý cầu; Tại Km08+930 công trình thi công cầu Trần Hoàng Na có phương án đảm bảo an toàn giao thông bằng báo hiệu; Từ Km06+220 đến 05+080 (khu vực chợ nổi Cái Răng) phao báo hiệu bị trôi dạt, phao màu sắc phai mờ, lồng đèn hư hỏng, tiêu thị móp méo và bị mất, đèn tín hiệu hỏng; 10 cột 6m ven bờ màu sắc đã xuống cấp, phai mờ không đảm bảo theo qui định; Tại Km04+380 công trình thi công cầu Ba Láng có phương án đảm bảo ATGT bằng báo hiệu; Từ Km04+100 đến Km02+300 khu vực thi công kè chống sạt lở có phương án đảm bảo an toàn giao thông;

- Rạch Cái Côn: đáy cá tái phát sinh sau giải tỏa 9 hàng/ 9 miệng nằm trên luồng và hành lang bảo vệ luồng ảnh hưởng đến giao thông thủy.

- Kênh Quản Lộ Phụng Hiệp:

+ Thi công nạo vét luồng từ Km13+980 đến Km56+900, thuộc huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu, công trình thi công tổ chức bằng hệ thống báo hiệu đường thủy nội địa và chốt điều tiết phía thượng và hạ lưu.

+ Thi công nạo vét luồng từ Km08+400 đến Km13+980, bờ phải thuộc xã An Xuyên, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau, bờ trái xã Tân Thạnh, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, công trình thi công tổ chức bằng hệ thống báo hiệu đường thủy nội địa và chốt điều tiết phía thượng và hạ lưu.

+ Thi công cầu sắt Phước Long tại Km43+670 thuộc thị trấn Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

+ Thi công nạo vét tại Km57+200 đến Km77+100, có phương án đảm bảo an toàn giao thông.

- Sông Cổ Cò: tồn tại 26 hàng/ 64 miệng đáy, trong đó có 14 hàng nằm trong luồng và hành lang bảo vệ luồng ảnh hưởng đến giao thông thủy; Tại Km16 + 200 đang thi công xây dựng cầu Cổ Cò có phương án đảm bảo an toàn giao thông bằng báo hiệu.

- Sông Hậu:

+ Thi công cầu Châu Đốc tại Km210+200, công trình đang thi công các hạng mục trên bờ, đã thu hồi hệ thống báo hiệu đảm bảo an toàn giao thông.

+ Thi công kè tại Km212+600 đến Km215+135, tại khu vực thi công có tổ chức đảm bảo ATGT đường thủy nội địa bằng báo hiệu và trạm điều tiết.

- Sông Vàm Nao: Thi công nạo vét luồng từ Km0+500 đến Km5+500, tại khu vực thi công có tổ chức đảm bảo ATGT đường thủy nội địa bằng báo hiệu dưới nước.

- Kênh Ông Hiền Tà Niên: Thi công công ngăn mặn vàm Bà Lịch tại Km0+450 xã Vĩnh Hòa Phú, H. Châu Thành, Kiên Giang.

- Kênh Ba Thê:

+ Thi công cầu cao tốc Châu Đốc-Cần Thơ-Sóc Trăng Km43+730, tại khu vực thi công có tổ chức đảm bảo ATGT đường thủy nội địa bằng báo hiệu.

+ Thi công khác phục sạt lở đê bờ bắc Cây Dương Km56+600 bờ phải xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Kênh Rạch Giá – Long Xuyên:

+ Thi công cầu (tuyến cao tốc) Km41+050 bờ trái xã Định Thành, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, tại khu vực thi công có tổ chức đảm bảo ATGT đường thủy nội địa bằng báo hiệu.

+ Thi công thay thế cầu Phú Vĩnh (cũ) tại Km54+120, tại khu vực thi công có tổ chức đảm bảo ATGT đường thủy nội địa bằng báo hiệu.

+ Thi công cầu tuyến tránh Long Xuyên tại Km60+300 thuộc thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, tại khu vực thi công có tổ chức đảm bảo ATGT đường thủy nội địa bằng báo hiệu

- Kênh Rạch Sỏi Hậu Giang:

+ Tại khu vực cầu Cái Sắn, Công ty Cổ phần quản lý bảo trì ĐTNĐ số 13 đang tiếp tục thực hiện công tác điều tiết không chế đảm bảo giao thông thủy. Các phương tiện lưu thông an toàn, thông suốt.

+ Thi công kè Km55+320 bờ phải thuộc xã Vĩnh Trinh, huyện Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ, có đảm bảo an toàn giao thông bằng báo hiệu đường thủy nội địa.

+ Cầu (tuyến cao tốc) tại Km39+200 xã Thạnh Quới, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ chưa thi công, tại phía thượng lưu và hạ lưu có bố trí báo hiệu đường thủy nội địa.

- Kênh Tám Ngàn: Thi công cầu Cây Me 2 tại Km32+100, bờ phải xã Châu Lăng; bờ trái thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, cầu công tác vượt kênh (kết cấu thép) gây hạn chế luồng. Công trình đảm bảo ATGT thủy bằng báo hiệu.

- Kênh Tri Tôn Hậu Giang: thi công cầu Vĩnh Tre Km51+400 xã Thạnh Mỹ Tây, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Công trình đảm bảo ATGT thủy bằng báo hiệu.

- Sông Ông Đốc – Trèm Trẹm:

+ Tuyến sông Trèm Trẹm: Nò lú phát sinh hai bên bờ từ Km00+000 đến Km07+000 thuộc xã Hồ Thị Kỷ và xã Khánh An.

+ Tuyến sông Ông Đốc: Sau thời gian giải tỏa đến nay đã phát sinh lại 8 hàng đày/14 miệng (đóng tạm cây gỗ thô sơ). Hiện nay chính quyền địa phương đã vận động và yêu cầu người dân cam kết tự tháo dỡ, thanh thải và chuẩn bị kiểm tra giải tỏa trắng các hàng đày trên tuyến sông Ông Đốc.

- Kênh Bạc Liêu Cà Mau:

+ Thi công Kè chống ngập tuyến QL 1A Từ Km31+700 – 37+005; 39+590 – 42+980; 43+282 – 44+800; 44+800 – 46+100; 48+450 – 50+150 thuộc Thị trấn Hòa Bình, xã Vĩnh Mỹ B, huyện Hòa Bình; phường Láng Tròn, phường 1, T.X Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu có tổ chức đảm bảo ATGT đường thủy nội địa bằng báo hiệu.

+ Thi công Kè chống sạt lở bờ sông tuyến kênh Bạc Liêu Cà Mau từ Km28+950 đến Km31+700 thuộc phường Hộ Phòng, phường 1, T.X Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, có tổ chức đảm bảo ATGT đường thủy nội địa bằng báo hiệu.

- Kênh Lương Thế Trân: Tại Km08+552, đang triển khai thi công cầu bắc qua Kênh Lương Thế Trân. Công trình đang điều tiết đảm bảo giao thông bằng báo hiệu đường thủy nội địa và trạm điều tiết.

- Sông Gành Hào: Thi công cầu Gành Hào tại Km11+900, tại khu vực thi công có tổ chức đảm bảo ATGT đường thủy nội địa bằng báo hiệu và trạm điều tiết.

- Kênh Tắt Năm Căn: Thi công kè ốp bờ tại Km00+550 đến Km00+720 phía bờ trái thuộc thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau, có bố trí đảm bảo ATGT bằng báo hiệu đường thủy nội địa.

- Kênh Tân Bằng Cán Gáo: thi công cầu Thứ Ba tại Km33+550 bắc qua kênh Tân Bằng Cán Gáo thuộc khu phố 3, thị trấn Thứ 3, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, có bố trí hệ thống báo hiệu điều tiết khống chế giao thông.

- Sông Tắt Thủ: thi công cầu Tắt Thủ tại Km03+250 bờ trái thuộc địa phận huyện Thới Bình, bờ phải thuộc địa phận huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Kênh Cái Nháp: Từ Km02+000 đến Km03+000, phía bờ trái bị sạt lở đất ven sông nhiều vực dài trung bình khoảng 100m sâu vào phía bờ, khu vực sạt lở sâu, nước chảy mạnh.

- Kênh Lấp Vò Sa Đéc:

+ Công trình xây dựng cầu Nguyễn Huệ Km02+765 kênh Lấp Vò Sa Đéc thuộc xã An Nhơn và thị trấn Cái Tàu, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp đang thi công; có triển khai phương đảm bảo ATGT đường thủy nội địa.

- Kênh Tháp Mười Số 1: Công trình thi công kè Tân Thạnh phía bờ phải từ Km14+200 đến Km15+680, bờ trái từ Km13+400 đến Km14+700 trên kênh

Tháp Mười số 1 (kênh Dương Văn Dương) thuộc thị trấn Tân Thạnh và xã Kiến Bình, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An đang thi công.

- Kênh 4 Bis:

+ Công trình cầu Mỹ Hoà kênh 4 Bis Km08+530 đang thi công phần trên bờ và dưới nước; có triển khai phương án đảm bảo ATGT đường thủy nội địa.

+ Công trình cầu Kênh Tứ Km14+900 kênh 4 Bis, xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp đang thi công cầu vượt kênh 4 Bis. Tại công trường đơn vị thi công đang thi công phần dưới nước. Có triển khai phương án đảm bảo ATGT đường thủy nội địa.

- Kênh Hồng Ngự Vĩnh Hưng:

+ Công trình nạo vét kênh: gói thầu XL01 tại thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; gói thầu XL02 tại huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp và gói thầu XL03 tại huyện Tân Hưng, tỉnh Long An; có triển khai phương án đảm bảo ATGT đường thủy nội địa.

+ Công trình xây dựng kè: Kè Hồng Ngự gói thầu XL01 tại thành phố Hồng Ngự, kè Giồng Găng gói thầu XL02 tại huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp và kè Tân Hưng gói thầu XL03 tại huyện Tân Hưng, tỉnh Long An; có triển khai phương án đảm bảo ATGT đường thủy nội địa.

+ Công trình xây dựng cầu: Cầu bắc qua kênh Hồng Ngự - Vĩnh Hưng tại Km43+320 thuộc xã Vĩnh Thạnh, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An; trong quá trình thi công có triển khai phương án đảm bảo an toàn giao thông đường thủy nội địa.

+ Công trình xây dựng kè chống sạt lở Đoàn kinh tế quốc phòng 959 thuộc Bộ Tư lệnh Quân khu 9 từ Km25+200 đến Km25+500 bờ trái kênh Hồng Ngự Vĩnh Hưng thuộc xã An Phước, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp đang thi công.

Nơi nhận:

- Cục ĐTNĐ Việt Nam (b/c);
- Chi cục trưởng (b/c);
- Cảng vụ ĐTNĐ KV III, IV;
- Website Chi cục ĐTNĐ KV III;
- Lưu VT, QLHT;

**KT CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



Trần Quang Trung

